

CÔNG TY TNHH NAZO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NAZO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAZO CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: NAZO COMPANY LIMITED

2. Mã số doanh nghiệp: 0108255797

3. Ngày thành lập: 07/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 206, phố Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962357327

Fax:

Email: tokususumu@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
2.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, nước thơm; - Bán lẻ mỹ phẩm: son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác; - Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...	4772
3.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón như: - Phân đạm ni tơ nguyên chất hoặc hỗn hợp, phân lân hoặc phân kali, - Phân urê, phân lân thô tự nhiên và muối kali thô tự nhiên. (Nghị định 108/2017/NĐ-CP)	2012
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; (Nghị định 108/2017/NĐ-CP)	4669
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299

6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm; - Bán buôn hàng mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...; - Chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi,...;	4649
7.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng (Luật an toàn thực phẩm 2010; Điều 15, Thông tư 43/2014/TT-BYT)	4632
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng (Luật an toàn thực phẩm 2010; Điều 15, Thông tư 43/2014/TT-BYT)	4722
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá (Không bao gồm Hoạt động đấu giá)	4610
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
12.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai (Thông tư 35/2014/TT-BTNMT quy định việc điều tra, đánh giá đất đai)	7110
13.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Không bao gồm Hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)	7120
14.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;	7730
15.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: 74909: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu. Gồm: - Tư vấn về nông học - Tư vấn về môi trường - Tư vấn về công nghệ khác - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.	7490

16.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: - Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp - Dịch vụ chuyển giao công nghệ gồm: + Môi giới chuyển giao công nghệ; + Tư vấn, hỗ trợ chuyển giao công nghệ; + Đánh giá công nghệ; + Đơn giá công nghệ; + Giám định công nghệ; + Xúc tiến chuyển giao công nghệ (Luật chuyển giao công nghệ 2006)	7210(Chính)
17.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: Cho thuê máy nông nghiệp có cả người điều khiển	0161
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Bán buôn tổng hợp	4690
20.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán hàng thông qua máy bán hàng tự động	4799
21.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón (Nghị định 108/2017/NĐ-CP)	4773
22.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Thương mại điện tử (Điều 3, Nghị định 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Thương mại điện tử)	4791

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	Đội 5, Thị trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	026086004156	
2	NGUYỄN HUY HOÀNG	Số 206, phố Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	013250175	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 07/05/2018 đến ngày 06/06/2018

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC TIẾN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *07/09/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *026086004156*

Ngày cấp: *11/01/2018*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 5, Thị trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Đội 5, Thị trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội